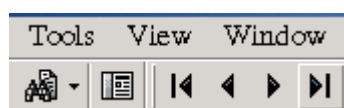


## MỘT SỐ THAO TÁC CƠ BẢN ĐỌC TOÀN VĂN KQNC

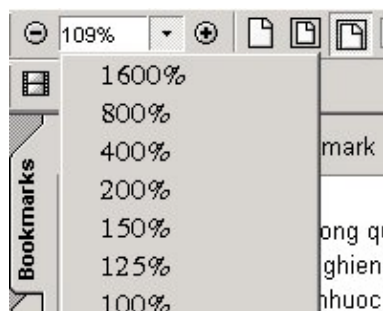


*☞ Sử dụng mục lục đọc nhanh bên phải màn hình để đọc ngay Chương, Mục phù hợp (nháy chuột vào tên Chương, Mục muốn đọc)*

*☞ Sử dụng các phím PageUp, PageDown, Enter, phím mũi tên trên bàn phím hoặc các biểu tượng mũi tên trên thanh công cụ để lật trang:*



*☞ Sử dụng các biểu tượng trên thanh công cụ (hoặc chọn tỷ lệ hiện hình trang tài liệu trong hộp công cụ) dưới đây để phóng to/thu nhỏ trang tài liệu:*



1395/KQ

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Lời nói đầu .....	
<u>Phần thứ nhất</u> : Vấn đề dân số	5
I-Hiện trạng phát triển và phân bố dân cư	5
1-1. Phát triển dân số	5
1-2. Cơ cấu dân số	15
1-3. Tình hình phân bố dân cư	18
1-4. Mối quan hệ dân số và phát triển kinh tế-xã hội	19
II-Dự báo dân số đến năm 2005 và những vấn đề kinh tế-xã hội.	21
1-1. Dự báo dân số	21
1-2. Một số vấn đề kinh tế-xã hội nảy sinh từ kết quả biến động dân số trong thời kỳ triển vọng.	35
III- Định hướng chính sách dân số trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2005.	37
	39
<u>Phần thứ hai</u> : Nguồn lao động giải quyết việc làm và sử dụng lao động xã hội.	46
I- Thực trạng hình thành nguồn lao động 1976-1990.	46
1-1. Về số lượng nguồn lao động	46
1-2. Về chất lượng nguồn lao động	48
II- Tình hình giải quyết việc làm cho người lao động và sử dụng nguồn lao động xã hội thời kỳ 1976-1990.	51
2-1. Giải quyết việc làm cho người lao động	51
2-2. Trạng thái việc làm và sử dụng nguồn lao động.	61

- III- Hình thành nguồn lao động và những phương hướng chủ yếu nâng cao chất lượng nguồn lao động phù hợp với yêu cầu phát triển KT-XH thời kỳ 1991-2005. 68
- 3-1. Những đặc điểm chính trong hình thành nguồn lao động về số lượng. 68
- 3-2. Về chất lượng và biện pháp nâng cao chất lượng nguồn lao động. 69
- IV- Phương hướng giải quyết việc làm, sử dụng nguồn lao động và các biện pháp, chính sách thực hiện trong thời kỳ 1991-2005. 71
- 4-1. Quan điểm giải quyết việc làm và sử dụng nguồn lao động. 71
- 4-2. Những phương hướng ưu tiên chiến lược giải quyết việc làm trong thời kỳ 1991-2005. 73
- 4-3. Những biện pháp giải quyết việc làm. 78
- Phần thứ ba : Phân bố và phân bố lại dân cư, nguồn lao động theo lãnh thổ. 83
- I- Phân tích và đánh giá sự phân bố lại dân cư, lao động theo lãnh thổ thời kỳ 1976-1990. 83
- 1-1. Phân tích quy mô và hướng phân bố lại. 83
- 1-2. Những kết quả KT-xã hội chủ yếu của quá trình phân bố lại dân cư, nguồn lao động theo lãnh thổ. 86

II- Đánh giá hiện trạng phân bố dân cư và nguồn lao động theo lãnh thổ.	89
2-1. Phân bố theo vùng tự nhiên	90
2-2. Phân bố theo thành thị - nông thôn	90
2-3. Phân bố theo vùng kinh tế	92
III- Luận chứng phương hướng phân bố lại dân cư, nguồn lao động thời kỳ 1991-2005.	95
3-1. Mục tiêu và quan điểm phân bố lại dân cư, nguồn lao động theo lãnh thổ thời kỳ 1991-2005.	95
3-2. Luận chứng quy mô và hướng phân bố lại dân cư nguồn lao động theo lãnh thổ.	97
3-3. Những biện pháp chính và nguyên tắc chủ yếu trong chính sách đảm bảo thực hiện phân bố lại dân cư, lao động theo lãnh thổ .	102
Phụ lục : Về những khái niệm "đầu tư theo dân số" và "suất chi phí tạo việc làm"	106

L Ò I N Ó I Đ Æ U

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước "Nghiên cứu vấn đề dân số - nguồn lao động phục vụ lập kế hoạch dài hạn phát triển kinh tế - xã hội và phân bố lực lượng sản xuất đến năm 2005" với mã số 70A-02-02 thuộc Chương trình 70A "Nghiên cứu cơ sở khoa học và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ cho việc lập kế hoạch dài hạn phát triển và phân bố lực lượng sản xuất ở Việt Nam đến năm 2005" được bắt đầu triển khai nghiên cứu từ quý I năm 1989.

Đây là sự tiếp tục đề tài 70A-02-02 (cũ) "Nghiên cứu một số vấn đề xã hội vùng tác động đến phát triển và phân bố lực lượng sản xuất ở Việt Nam đến năm 2005" (đã triển khai nghiên cứu trong 2 năm 1987-1988) được điều chỉnh với việc lược bớt một số nội dung thuộc về khía cạnh xã hội, bổ xung thêm và định hướng sâu hơn vào những vấn đề dân số nguồn lao động, việc làm và di dân phục vụ xây dựng kế hoạch dài hạn phát triển kinh tế - xã hội và phân bố lực lượng sản xuất. Với mục đích xác định những căn cứ khoa học cho việc lập kế hoạch dài hạn, Đề tài đặt nhiệm vụ làm rõ một số khía cạnh phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu dân số, nguồn lao động và thích ứng chúng vào điều kiện của Việt Nam, trên cơ sở nghiên cứu các nguồn tư liệu và thực tiễn rút ra những tính quy luật và đặc thù trong phát triển dân số, nguồn lao động, việc làm, dự kiến những xu thế (dưới dạng các dự báo) sẽ diễn ra trong triển vọng và đề xuất những căn cứ mang tính nguyên tắc cho việc soạn thảo biện pháp, chính sách nhằm điều tiết hoặc thực hiện các xu thế đó. Đồng thời gợi ý và cung cấp thông tin khoa học cho các ngành, các địa phương làm cơ sở để hoạch định chiến lược và kế hoạch phát triển của mình. Đây là đề tài thuộc vấn đề nghiên cứu "các cơ sở khoa học phục vụ cho công tác kế hoạch hóa phát triển kinh tế xã hội" cho nên về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu, chúng tôi ứng dụng phương pháp phân tích và tiếp cận hệ thống nghiên

câu vấn đề dân số - nguồn lao động trong mối quan hệ chặt chẽ và các tác động qua lại lẫn nhau với phát triển kinh tế- xã hội của đất nước qua mỗi thời kỳ, mong muốn từ góc độ dân số- nguồn lao động, soi xét lại các quá trình kinh tế- xã hội và tìm ra được mối quan hệ hợp lý có tác động cộng hưởng thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế- xã hội nói chung và quá trình dân số - nguồn lao động nói riêng tiến tới mục tiêu chung phát triển đất nước, dân giàu, nước mạnh.

Xuất phát từ nhiệm vụ và mục tiêu như trên, Đề tài đã tham khảo, kế thừa nhiều công trình nghiên cứu khoa học như Tổng sơ đồ phát triển và phân bố lực lượng sản xuất Việt Nam cho thời kỳ 1986-2000, kế hoạch dài hạn phát triển kinh tế- xã hội Việt Nam đến năm 2000, chiến lược phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2005 ( Dự thảo), tài liệu các Hội thảo chuyên đề về dân số, nguồn lao động thuộc Dự án VIE 89/P03 của Trung tâm dân số, nguồn lao động (Bộ Lao động Thương binh xã hội), các tư liệu điều tra điển hình... và nhiều tài liệu của Tổng cục Thống kê, Trung tâm thông tin Ủy ban kế hoạch Nhà nước,... Từ năm 1986 đến nay ở nước ta thực hiện công cuộc đổi mới do Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng nên trong đời sống kinh tế- xã hội nói chung và trong lĩnh vực dân số, nguồn lao động nói riêng đã diễn ra nhiều thay đổi sâu sắc. Vì vậy đề tài đã cố gắng thể hiện những quá trình và hiện tượng liên quan đến công cuộc đổi mới vào những nghiên cứu của mình. Số liệu về dân số- nguồn lao động là kết quả tổng hợp điều tra dân số 1-4-1989 mới được tổng hợp từ điều tra mẫu 5% cho cả nước và các tỉnh đến 1990 mới công bố. Nhiều kết quả điều tra xã hội là tiếp thu từ các cơ quan khác mà chưa được kiểm tra, xác minh. Chính vì vậy mà nhiều vấn đề nêu ra còn đang trong quá trình tranh luận, có tính chất gợi ý mà chưa thể tìm thấy lời giải đáp cuối cùng trong kết quả nghiên cứu của Đề tài.

Trong quá trình nghiên cứu, Ban chủ nhiệm đề tài đã nhận được sự cộng tác chặt chẽ và tham gia nhiệt tình của các cộng tác viên : Nguyễn Văn Thiều, Lê Mạnh Khoa, Vũ Văn Toán, Phạm Đỗ Nhật Tân, Trần Văn Sinh, Nguyễn Hữu Tính (Trung tâm nghiên cứu dân số- nguồn lao động thuộc Bộ Lao động), Nguyễn Văn Phái (Vụ Dân số-Lao động, Tổng cục Thống kê), Đinh Công Thoan, Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Thế Ba ( Vụ Lao động - Văn xã, Ủy ban kế hoạch Nhà nước ), Bùi Văn Ruyện (Vụ Nông lâm-ngư, Ủy ban kế hoạch Nhà nước), Phạm Hưng, Tô bản đồ (Viện kế hoạch dài hạn và Phân bố lực lượng sản xuất ) và nhiều đồng chí khác.

Kết quả nghiên cứu của đề tài bao gồm :

A. Một báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu khoa học của đề tài.

B. Phụ lục, gồm các báo cáo chuyên đề và bản đồ :

1. Nghiên cứu vấn đề dân số phục vụ lập kế hoạch dài hạn phát triển kinh tế- xã hội và phân bố lực lượng sản xuất đến năm 2005.

2. Sự hình thành nguồn lao động, giải quyết việc làm và sử dụng nguồn lao động xã hội phục vụ lập kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và phân bố lực lượng sản xuất đến năm 2005.

3. Phân tích, đánh giá và dự báo phân bố dân cư-nguồn lao động theo lãnh thổ phục vụ lập kế hoạch dài hạn phát triển kinh tế- xã hội và phân bố lực lượng sản xuất đến năm 2005.

4. Dự báo dân số, nguồn lao động Việt Nam thời kỳ 1991-2005.

5. Các bản đồ hiện trạng phát triển dân cư và nguồn lao động (theo kết quả điều tra dân số 1-4-1989).

6. Các tài liệu tham khảo bao gồm những bài viết của cộng tác viên theo từng vấn đề riêng biệt (được thực hiện theo Hợp đồng nghiên cứu khoa học với Ban chủ nhiệm đề tài) và các số liệu, tài liệu khác.

Ban Chủ nhiệm Đề tài bày tỏ lòng biết ơn đối với lãnh đạo Viện kế hoạch dài hạn và Phân bố lực lượng sản xuất, Ban chủ nhiệm chương trình 70A, Ủy ban khoa học Nhà nước và tất cả các đồng chí cộng tác viên đã giúp đỡ và tạo điều kiện để hoàn thành công tác nghiên cứu khoa học của đề tài. Với thời hạn nghiên cứu ngắn (2 năm) kinh phí hạn chế (dưới 4 triệu đồng) và do nhiều diễn biến mới, phức tạp trong thực trạng nền kinh tế-xã hội của đất nước, nội dung nghiên cứu của đề tài chắc chắn còn có những thiếu sót và hạn chế. Vì vậy Ban chủ nhiệm đề tài mong được lượng thứ cho những khiếm khuyết và nhận được những ý kiến đóng góp nhằm bổ sung vào công tác nghiên cứu khoa học trong thời gian tới ngày càng tốt hơn.

-----



## PHẦN THỨ NHẤT

### VẤN ĐỀ DÂN SỐ

#### I- HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DÂN SỐ VÀ PHẠM ĐỘ ĐỜI SỐNG :

##### 1. Phát triển dân số :

Theo tài liệu thống kê thu được từ năm 1921 đến nay sau 70 năm dân số nước ta đã tăng 4,25 lần từ 15,98 triệu người lên 66,3 triệu người. Quá trình phát triển dân số Việt Nam đã trải qua hai giai đoạn và đã có nhiều dấu hiệu bước vào giai đoạn 3 - giảm dân nhíp độ tăng dân số.

Giai đoạn 1 : Từ 1921 đến năm 1954, sau 33 năm dân số chỉ tăng 1,52 lần, tỷ lệ sinh giao động trong khoảng 3,3-3,7%, tỷ lệ chết 2,3%, tỷ lệ tăng tự nhiên trung bình 1,3%. Quá trình dân số hoàn toàn mang tính chất tự nhiên- sinh học thuần túy.

Giai đoạn 2 : Từ năm 1955 đến 1980, dân số tăng 2,3 lần sau 25 năm, tương đương giai đoạn "bình nổ dân số" của thế giới. Tỷ lệ chết giảm nhanh xuống 0,7% (1965) và ổn định lâu. Tỷ lệ sinh vẫn cao, tuy có giảm nhưng chập từ 4,6% (1956) xuống 3,2% (1980). Để bắt đầu chịu tác động của cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch ở miền Bắc từ năm 1963 và ở cả nước từ sau năm 1975 nhưng chưa đủ mạnh, lại chịu ảnh hưởng của quy luật tăng bù sau hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ. Có sự khác biệt đáng kể về quá trình phát triển dân số ở hai miền Nam Bắc và giữa các vùng.

Việc tăng nhanh dân số trong giai đoạn này dẫn đến biến đổi sâu sắc cơ cấu dân số theo tuổi theo hướng trẻ hóa, làm tăng nhân khẩu phụ thuộc (tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi tăng từ 44,3% (1960) lên 48,1% (1976) dẫn đến hệ quả là từ năm 1971 số người trong độ tuổi lao động trong đó có số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15- 49 tuổi ) đã và sẽ tăng nhanh suốt đến năm 1995 và tiếp tục hoạt động trong thời kỳ 1991-2005...

Do vậy, muốn giảm nhịp độ tăng dân số chỉ có một cách duy nhất là giảm số con sinh ra của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và áp lực về giải quyết việc làm đã có sẵn trong xã hội nước ta...

Trong giai đoạn này, dân số Việt Nam đã có sự biến đổi đáng kể về chất : Trình độ học vấn của nhân dân tăng lên đáng kể, số người mù chữ đã giảm từ trên 90% trước cách mạng tháng Tám (1945) xuống còn 16% (năm 1979); số người có trình độ đại học, trung học chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật năm 1954 là con số ít ỏi thì đến năm 1980 đã có trên 2,2 triệu người, chiếm 10% lao động xã hội, số người có trình độ văn hóa cấp ba trở lên chiếm 14,6% dân số từ 15 tuổi đến 60 tuổi, hầu hết thanh niên có trình độ tốt nghiệp cấp II ; Tỷ lệ chết chung đặc biệt là tỷ lệ chết của trẻ sơ sinh giảm nhanh, tuổi thọ tăng đạt 65 tuổi (năm 1979).

Giai đoạn 3 : Từ năm 1980 đến nay, mặc dù số phụ nữ vào tuổi sinh đẻ vẫn tiếp tục tăng lên, cơ cấu trẻ, tỷ lệ chết ổn định, tỷ lệ sinh và tỷ lệ tăng tự nhiên dân số vẫn giảm dần là kết quả biến đổi của chỉ tiêu tổng tỷ suất sinh (TFR - Total fertility rate ) hay số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ giảm từ 4,85 con (1979) xuống 4 con (1989) . Đây là chỉ tiêu thể hiện chính xác bản chất quá trình phát triển dân số.

#### a. Phát triển tự nhiên.

Kết quả hai cuộc tổng điều tra dân số cho thấy quá trình phát triển tự nhiên dân số biến đổi như sau :